

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm (từ tháng .../... đến tháng .../....)

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ...

Tờ khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo: ☐

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế: -

[14] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

[15] Tên tổ chức trả thu nhập:

[16] Mã số thuế: -

[17] Địa chỉ:

[18] Quận/huyện: [19] Tỉnh/thành phố:

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/Số người
1	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [20]=[21]+[23]	[20]	VNĐ	
	a Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam	[21]	VNĐ	
	Trong đó tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam được miễn giảm theo Hiệp định (nếu có)	[22]	VNĐ	
	b Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam	[23]	VNĐ	
2	Số người phụ thuộc	[24]	Người	
3	Các khoản giảm trừ ([25]=[26]+[27]+[28]+[29]+[30])	[25]	VNĐ	
	a Cho bản thân cá nhân	[26]	VNĐ	
	b Cho những người phụ thuộc được giảm trừ	[27]	VNĐ	

	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[28]	VNĐ	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ	[29]	VNĐ	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	[30]	VNĐ	
4	Tổng thu nhập tính thuế ([31]=[20]-[22]-[25])		[31]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh trong kỳ		[32]	VNĐ	
6	Tổng số thuế đã nộp trong kỳ ([33]=[34]+[35]+[36]-[37]-[38]) Trong đó:		[33]	VNĐ	
	a	Số thuế đã khấu trừ tại tổ chức trả thu nhập	[34]	VNĐ	
	b	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập	[35]	VNĐ	
	c	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ (nếu có)	[36]	VNĐ	
	d	Số thuế đã khấu trừ, đã nộp ở nước ngoài trùng do quyết toán văt năm	[37]	VNĐ	
	đ	Số thuế đã nộp trong năm không qua tổ chức trả thu nhập trùng do quyết toán văt năm	[38]	VNĐ	
7	Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ [39]=[40]+[41]		[39]	VNĐ	
	a	Số thuế phải nộp trùng do quyết toán văt năm	[40]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế TNCN được giảm khác	[41]	VNĐ	
8	Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ [42]=([32]-[33]-[39])>0		[42]	VNĐ	
9	Số thuế được miễn do cá nhân có số tiền thuế phải nộp sau quyết toán từ 50.000 đồng trở xuống (0<[42]<=50.000 đồng)		[43]	VNĐ	
10	Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ [44]=([32]-[33]-[39]) <0		[44]	VNĐ	
11	a	Tổng số thuế đề nghị hoàn trả [45]=[46]+[47]	[45]	VNĐ	
		Trong đó:	Số thuế hoàn trả cho người nộp thuế	[46]	VNĐ
			Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác	[47]	VNĐ
	b	Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [48]=[44]-[45]		[48]	VNĐ

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả vào tài khoản của người nộp thuế tại chỉ tiêu [46] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Số tiền hoàn trả: Bằng số: đồng.

Hình thức hoàn trả:

☐ Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Tài khoản số:.....Tại Ngân hàng/KBNN:.....

☐ Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:

CMND/CCCD/HC số: Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác tại chỉ tiêu [47] thì ghi thêm các thông tin sau:>

Khoản nợ, khoản thu phát sinh đề nghị được bù trừ:

Đơn vị tiền.....

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	MST của NNT khác (nếu có)	Tên NNT khác (nếu có)	Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Chương	Tiểu mục	Tên CQT quản lý khoản thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (11) - (12)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)